BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ Y TẾ

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn việc cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

Liên bộ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế hướng dẫn việc cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn về:

1. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với phòng điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe thuộc cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là phòng chuyên môn).

2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.

3. Quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là cơ sở cai nghiện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2003/NĐ-CP) và Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 94/2011/NĐ-CP).

2. Cơ quan cấp giấy phép hoạt động và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

3. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc cấp giấy phép hoạt động và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện tự nguyện.

Chương II
ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 3. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở cai nghiện thực hiện điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe

1. Cơ sở vật chất phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và các điều kiện cụ thể sau:

a) Đối với phòng chuyên môn thực hiện việc điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe:

Để được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, ngoài việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi tắt là Thông tư số 41/2011/TT-BYT) phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

- Khu vực thực hiện cắt cơn, giải độc, cấp cứu có diện tích sử dụng tối thiểu $5m^2$/người cai nghiện;

- Khu vực theo dõi sau cắt cơn, phục hồi sức khỏe: Diện tích sử dụng tối thiểu $5m^2$/người cai nghiện; có các tiện nghi sinh hoạt thông thường (nhà vệ sinh chung; giường, chiếu, chăn, màn riêng cho mỗi người) để có thể bảo đảm thời gian lưu người cai nghiện ma túy tối thiểu là 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu cắt cơn, giải độc;

- Có đủ thiết bị y tế theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 41/2011/TT-BYT và các thiết bị theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Có đủ thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, thuốc cấp cứu và các loại thuốc cần thiết khác theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Về biện pháp, phương tiện bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tính mạng cho cán bộ, nhân viên và người cai nghiện: Đáp ứng các quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an hướng dẫn công tác phối hợp bảo đảm an ninh trật tự và trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐTBXH-BCA);

c) Về hệ thống điện, hệ thống nước, thiết bị phòng cháy, chữa cháy hệ thống xử lý nước thải, chất thải: Đáp ứng các quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT ngày 18 tháng 11 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 35/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT).

2. Về nhân sự phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện phải có giấy chứng nhận đã qua tập huấn về công tác quản lý cai nghiện ma túy do cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cơ quan Y tế cấp tỉnh trở lên cấp;

b) Người phụ trách chuyên môn và người trực tiếp thực hiện cai nghiện, phục hồi sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 41/2011/TT-BYT và các điều kiện sau:

- Có giấy chứng nhận đã qua tập huấn phương pháp điều trị cai nghiện ma túy do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Là người làm việc toàn thời gian tại cơ sở cai nghiện.

c) Các nhân viên khác làm việc tại cơ sở cai nghiện phải có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn với chuyên ngành phù hợp nhiệm vụ được giao và quy mô hoạt động của cơ sở cai nghiện.

Điều 4. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở cai nghiện thực hiện giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng chống tái nghiện

1. Cơ sở vật chất phải đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và các điều kiện cụ thể sau:

a) Có khu ăn, nghỉ, sinh hoạt của người đến cai nghiện: Diện tích nhà ở tối thiểu là $5m^2$/người cai nghiện; có các tiện nghi sinh hoạt thông thường (tối đa 10 người trên một nhà vệ sinh; có giường, chiếu, chăn, màn riêng cho mỗi người) bảo đảm điều kiện ăn, ở, sinh hoạt cho người cai nghiện hợp vệ sinh, trong thời gian cai nghiện;

b) Có khu vực và trang thiết bị phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục, học văn hóa, chính trị, pháp luật; vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ; có đầy đủ tài liệu giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

c) Cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng, phòng chống tái nghiện:

- Có xưởng dạy nghề hoặc phòng học nghề có trang thiết bị phù hợp với chương trình, giáo trình, mục tiêu, nội dung từng nghề được tổ chức tại cơ sở;

- Diện tích đất cho hoạt động lao động trị liệu và lao động sản xuất phải bảo đảm phù hợp cho từng loại nghề được tổ chức tại cơ sở;

- Việc tổ chức lao động trị liệu phải có kế hoạch phân công phù hợp với độ tuổi, sức khỏe, giới tính của người nghiện ma túy; tùy từng nghề cụ thể mà bố trí làm việc từ nhẹ đến nặng, từ công việc giản đơn đến phức tạp.

d) Khu vui chơi giải trí, văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao:

- Có phòng tập thể dục, luyện tập dưỡng sinh, hình thể, sân chơi thể thao để phục hồi sức khỏe;

- Có thiết bị luyện tập phục hồi chức năng cần thiết.

đ) Có biện pháp, phương tiện bảo đảm an ninh trật tự, an toàn tính mạng cho cán bộ, nhân viên và người cai nghiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 19/2006/TTLT-BLĐTBXH-BCA.

e) Có hệ thống điện, hệ thống nước, thiết bị phòng cháy, chữa cháy hệ thống xử lý nước thải, chất thải hoạt động ổn định theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 35/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTNMT.

2. Về nhân sự phải đáp ứng các quy định tại Điểm 2 Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP và các điều kiện cụ thể như sau:

a) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện hoặc người phụ trách cai nghiện, phục hồi phải có:

- Giấy xác nhận có thời gian làm công tác cai nghiện, phục hồi từ đủ 12 tháng trở lên do các cơ sở được phép hoạt động cai nghiện ma túy cấp;

- Giấy chứng nhận đã qua tập huấn về công tác quản lý cai nghiện ma túy do cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cơ quan Y tế cấp tỉnh trở lên cấp.

b) Các nhân viên khác làm việc tại cơ sở cai nghiện phải có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn với chuyên ngành phù hợp nhiệm vụ được giao và quy mô hoạt động của cơ sở cai nghiện.

Điều 5. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở cai nghiện thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện, phục hồi

Cơ sở cai nghiện thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện, phục hồi quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và các điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này.

Chương III
THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy gồm các giấy tờ sau:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở cai nghiện tự nguyện do nhà nước thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư theo quy định của pháp luật đối với cơ sở cai nghiện khác;

c) Bản kê khai cơ sở vật chất hiện có của cơ sở, gồm: Bản kê khai cơ sở vật chất; bản kê khai thiết bị; bản sao có chứng thực giấy chứng nhận phòng, cháy, chữa cháy; bản sao có chứng thực giấy chứng nhận xử lý nước thải, chất thải;

d) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện về nhân sự theo quy định của Thông tư này, gồm: Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận tốt nghiệp từ trình độ cao đẳng trở lên của người đứng đầu cơ sở cai nghiện; danh sách trích ngang và bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên làm việc tại cơ sở cai nghiện;

đ) Riêng đối với cơ sở quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư này phải có thêm bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh về điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe của phòng chuyên môn thực hiện việc điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh về điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy gồm các giấy tờ sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

c) Báo cáo chi tiết tình hình tổ chức và kết quả hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện đề nghị gia hạn giấy phép trong 05 năm liên tục gần nhất, gồm: Thông tin chung về cơ sở, những thay đổi về cơ sở vật chất, nhân sự, kết quả hoạt động cụ thể từng năm, những kiến nghị, đề xuất.

Điều 7. Thủ tục cấp, gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy

1. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện do cơ quan, tổ chức, cá nhân được lập thành 01 bộ và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) nơi đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện.

Riêng hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động phải gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi hết hạn tối thiểu là 30 ngày làm việc.

2. Thủ tục và thời hạn xem xét cấp, gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy gửi hồ sơ về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội). Khi nhận đủ hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi cho cơ sở cai nghiện ma túy phiếu tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân đến làm thủ tục đề nghị cấp, gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy mà hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

c) Trong thời gian 20 ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và 15 ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải tổ chức thẩm tra điều kiện, hồ sơ của cơ sở và báo cáo kết quả thẩm tra với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh). Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến bằng văn bản đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở cai nghiện;

d) Trong thời gian 20 ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và 15 ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp hoặc gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy cho các cơ sở; nếu không cấp hoặc gia hạn thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy:

a) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy được làm thành 03 bản: 01 bản lưu tại Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội; 01 bản lưu tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội) nơi Cơ sở cai nghiện đóng trụ sở và

01 bản cho cơ sở cai nghiện đề nghị cấp hoặc gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy;

b) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Thay đổi, thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy, giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

1. Thay đổi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy:

Trường hợp cơ sở cai nghiện muốn thay đổi phạm vi hoạt động trong giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy thì phải làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này và báo cáo chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của cơ sở cai nghiện tự nguyện kể từ lần được cấp hoặc gia hạn giấy phép gần nhất, trong đó nêu rõ phương án hoạt động sau khi thay đổi phạm vi hoạt động, phương án giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan.

2. Trình tự thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy:

a) Trường hợp cơ sở cai nghiện có vi phạm thuộc diện bị thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy theo quy định tại Điểm 2 Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm lập biên bản, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở vi phạm;

b) Căn cứ đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với các cơ sở cai nghiện vi phạm pháp luật. Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy được gửi đến các cơ quan, đơn vị sau:

- Cơ sở bị thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy;

- Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Thanh tra Bộ);

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Kế hoạch - Đầu tư và Công an tỉnh nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở;

- Cơ quan chủ quản của cơ sở cai nghiện.

3. Trình tự thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của phòng chuyên môn thuộc cơ sở cai nghiện:

a) Trường hợp phòng chuyên môn thuộc cơ sở cai nghiện có vi phạm thuộc các trường hợp bị thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Sở Y tế có trách nhiệm lập biên bản và thu hồi theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ Y tế để thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở vi phạm;

b) Giám đốc Sở Y tế ra Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với phòng chuyên môn thuộc cơ sở cai nghiện đã được Giám đốc Sở

Y tế cấp. Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh được gửi đến các cơ quan, đơn vị sau:

- Cơ sở cai nghiện bị thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

- Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Thanh tra Bộ);

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội);

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch - Đầu tư và Công an tỉnh nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở;

- Cơ quan chủ quản của cơ sở cai nghiện.

c) Bộ trưởng Bộ Y tế ra Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với phòng chuyên môn thuộc cơ sở cai nghiện đã được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp. Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh được gửi đến các cơ quan, đơn vị sau:

- Cơ sở cai nghiện bị thu hồi giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội);

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch - Đầu tư và Công an tỉnh nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở;

- Cơ quan chủ quản của cơ sở cai nghiện.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 9. Tiếp nhận người nghiện ma túy

Khi tiếp nhận người nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

1. Kiểm tra, khám sức khỏe ban đầu và lập hồ sơ cai nghiện cho người nghiện ma túy.

2. Phổ biến quy chế, nội quy và các quy định khác có liên quan đến hoạt động cai nghiện của cơ sở.

3. Hướng dẫn, tư vấn cho người nghiện ma túy hoặc gia đình của người nghiện ma túy hoặc người giám hộ của người nghiện ma túy cam kết thực hiện các quy định trong quá trình cai nghiện cho người nghiện ma túy.

Điều 10. Xử lý vi phạm đối với người đang cai nghiện ma túy

1. Trường hợp người đang cai nghiện ma túy vi phạm nội quy thuộc trường hợp phải áp dụng biện pháp đưa vào buồng cách ly hoặc chấm dứt hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy, người đứng đầu cơ sở cai nghiện phải lập biên bản có đại diện của cơ sở cai nghiện, chứng kiến của người cai nghiện khác tại cơ sở và người nghiện ma túy vi phạm.

2. Mẫu biên bản về vi phạm cam kết cai nghiện được quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Bàn giao người đã cai nghiện ma túy về gia đình và cộng đồng

Khi hết thời hạn cai nghiện, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm:

1. Cấp giấy chứng nhận đã cai nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bàn giao người đã cai nghiện cho gia đình hoặc người giám hộ.

3. Gửi cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú bản sao giấy chứng nhận đã cai nghiện ma túy; nhận xét kết quả cai nghiện, phục hồi; tài liệu vi phạm quy chế, nội quy trong thời gian cai nghiện (nếu có).

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP

1. Cơ sở cai nghiện báo cáo tình hình hoạt động và kết quả cai nghiện ma túy cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội) nơi cơ sở cai nghiện đặt trụ sở và cơ quan chủ quản của cơ sở cai nghiện trước ngày 20 hàng tháng.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp kết quả cai nghiện ma túy của cơ sở trên địa bàn quản lý cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo định kỳ hàng quý và cả năm. Báo cáo quý phải gửi trước ngày 20 của tháng cuối quý; báo cáo năm phải gửi trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

3. Trong thời gian hoạt động cai nghiện ma túy, nếu xảy ra các sự cố như: Mất trật tự an toàn xã hội, tai nạn, chết người, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm báo cáo trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố đến các cơ quan chức năng nơi cơ sở cai nghiện đặt trụ sở.

Điều 13. Các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động cai nghiện ma túy

1. Đơn xin cai nghiện ma túy và khai báo tình trạng nghiện của người nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Sổ theo dõi cai nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Sổ theo dõi người cai nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Báo cáo tình hình hoạt động và kết quả cai nghiện ma túy theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 và 13 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Quy định nội dung phối hợp giữa cơ sở cai nghiện với các cơ quan quản lý nhà nước

1. Phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn của người làm công tác cai nghiện, phục

hồi; được phổ biến, cập nhật chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và những thông tin cần thiết về giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm để làm tốt công tác cai nghiện, phục hồi sức khỏe cho người nghiện ma túy.

2. Phối hợp cơ quan y tế trong việc đào tạo, tập huấn chuyên môn, kỹ thuật y tế và hỗ trợ trong việc điều trị cắt cơn, giải độc, cấp cứu người nghiện ma túy; chăm sóc, quản lý, giám sát người nghiện ma túy bị nhiễm HIV.

3. Phối hợp cơ quan công an trong việc đào tạo, tập huấn công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự, sử dụng công cụ hỗ trợ và các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của người cai nghiện ma túy.

4. Kinh phí thực hiện việc phối hợp quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này do các cơ sở cai nghiện chịu trách nhiệm chi trả.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an ở địa phương rà soát, thống kê các cơ sở cai nghiện chưa được cấp phép, cơ sở đang hoạt động và chuẩn bị thành lập mới;

b) Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, Sở Y tế kiểm tra và xử lý nghiêm những cơ sở cai nghiện ma túy trái phép.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội) phối hợp với Bộ Y tế (Cục quản lý khám, chữa bệnh) tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định của Thông tư này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội) có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Công an tỉnh trong việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn;

b) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật liên quan trong hoạt động cai nghiện ma túy trên địa bàn quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và Công an tỉnh trong việc rà soát, thống kê các cơ sở cai nghiện chưa được cấp phép, cơ sở đang hoạt động và chuẩn bị thành lập mới; kiến nghị đình chỉ hoạt động và xử phạt vi phạm hành chính đối với các cơ sở cai nghiện hoạt động không giấy phép trên địa bàn.

4. Sở Y tế có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định của Thông tư này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tổ chức thẩm định và cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho phòng chuyên môn của cơ sở cai nghiện;

c) Kiểm tra việc thực hiện phác đồ điều trị cắt cơn, giải độc.

5. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc kiểm tra các biện pháp giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại cơ sở cai nghiện và phối hợp với các ngành chức năng xử lý nghiêm những cơ sở cai nghiện vi phạm pháp luật;

b) Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quyết định đình chỉ hoạt động của các cơ sở cai nghiện hoạt động không giấy phép. Trong trường hợp cần thiết, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh áp dụng biện pháp cưỡng chế đình chỉ hoạt động của các cơ sở cai nghiện hoạt động không giấy phép.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2012.

2. Thông tư liên tịch số 15/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2004 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ Y TẾ** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** **THỨ TRƯỞNG**
Nguyễn Thị Xuyên	**Nguyễn Trọng Đàm**

Phụ lục 1

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ TỐI THIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

STT	Trang thiết bị y tế phòng cắt cơn, giải độc	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ống nghe	Cái	02
2	Huyết áp kế	Bộ	01
3	Nhiệt kế y học 42^0C	Cái	02
4	Bộ khám tai mũi họng	Bộ	01
5	Bộ tiểu phẫu thuật và hộp đựng	Bộ	01
6	Hộp cụ y tế (dao, kéo, panh, cầm máu)		
7	Bộ mở, đặt khí quản	Bộ	01
8	Bình ôxy nhỏ (3 khối)	Cái	01
9	Bóng bóp tay trợ hô hấp	Bộ	01
10	Máy hút đờm nhỏ (cơ động)	Cái	01
11	Đèn gù	Cái	02
12	Đèn hồng ngoại	Cái	01
13	Đèn khử trùng cực tím (AVB)	Bộ	02
14	Máy hủy kim tiêm	Cái	01
15	Máy điện châm	Cái	01
16	Máy massage	Cái	01
17	Cọc truyền dịch	Cái	02
18	Tủ thuốc	Cái	01
19	Bô vịt	Cái	01
20	Bộ thụt tháo	Cái	02
21	Bộ rửa dạ dày	Bộ	01
22	Nồi hấp dụng cụ	Bộ	01
23	Tủ đầu giường	Cái	10
24	Xe đẩy phát thuốc	Cái	01
25	Xe đẩy dụng cụ có bánh xe	Cái	01
26	Băng ca xếp	Cái	02
27	Giường cấp cứu	Cái	01
28	Xe đạp lực kế	Cái	01
29	Dụng cụ, phương tiện phục hồi chức năng		

Phụ lục 2
DANH MỤC THUỐC TỐI THIỂU
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

STT	Thuốc cấp cứu (Tên thuốc và hàm lượng)	ĐV	Số lượng
1	Naloxon 0,4mg	Ống	5
2	Hydrocorition 100mg	Ống	10
3	Dopamin 200mg/5ml	Ống	4
4	Adrenaline 1mg	Ống	20
5	Uabain 0,25mg	Ống	5
6	Atropin 1/4mg	Ống	10
7	Calcium Sandoz 3,375g/10ml	Ống	20
8	Heptamyl 0,125g	Ống	5
9	Morphin (chlorhyđrat) 0,01g	Ống	20
10	Diaphylin 0,48g/5ml	Ống	5
11	Depersonlon 30mg	Ống	5
12	Thuốc xịt Terbutalin	Lọ	2
13	Diphenhydramin 10mg	Ống	5

STT	Cơ sở thuốc tủ trực (Tên thuốc và hàm lượng)	ĐV	Số lượng
1	Seduxen 10mg	Ống	20
2	Seduxen 5mg	Viên	200
3	Tisecin 0,5mg	Viên	200
4	Ciprofloxacin 500mg	Viên	50
5	Cephalexin 500mg	Viên	50
6	Erythronmycin 500mg	Viên	20
7	Flagyl 250mg	Viên	30
8	Contrim-f 960mg	Viên	20
9	Gentamycin 80mg	Ống	10
10	Ampixilin 250mg	Viên	200
11	Penicilin 500 đv	Ống	20
12	Streptomicine 1g	Lọ	20
13	INH	Viên	200
14	Rifampicin 1g	Viên	200
15	Efferalgan 500mg	Viên	10
16	Paracetamol 500mg	Viên	200
17	Diantalvic 30mg	Viên	20
18	Lidocain 2%	Ống	50
19	Ambro 30mg	Viên	50
20	Dextrothophan 30mg	Viên	40
21	Topsidin 200mg	Viên	48
22	Bromhexin 8mg	Viên	20
23	Theophylin 100mg	Viên	100
24	Maalox 500mg	Viên	20
25	Ramitidin 150mg	Viên	20
26	Methionin 9,25g	Viên	100
27	Loperamide 2mg	Viên	50
28	Bar 75mg	Viên	60
29	Phosphalugel 12,38g	Gói	10
30	Sorbitol 5g	Gói	20
31	Smecta 3g	Gói	10
32	Duphalac	Gói	10

STT	Cơ sở thuốc tủ trực (Tên thuốc và hàm lượng)	ĐV	Số lượng
33	Nabica 50g-100g	Gói	2
34	Nospa 40mg	Viên	200
35	Nospa 40mg/2ml	Ống	10
36	Aller-F	Viên	30
37	Cholopheramin 4mg	Viên	200
38	Histalong 10mg	Viên	50
39	Peritol 4mg	Viên	50
40	Diclophenac 50mg	Viên	50
41	Diclophenac 75mg	Ống	10
42	Danzen 10mg	Viên	20
43	Alphachymotrypsine 1mg	Ống	5
44	Camphona 100mg	Ống	10
45	Cortonyl 25ml	Lọ	2
46	Stugeron 25mg	Viên	60
47	Heptamyl 0,125g	Viên	50
48	Dd Glucose 30%	Chai	10
49	Dd Nacl 9%	Chai	10
50	Glucoza 5%	Chai	20
51	Lactat Ringer 1000ml	Chai	20
52	Cortibion 8g	Lọ	5
53	Thuốc mỡ Salycylate	Tuýp	5
54	Thuốc mỡ Phenergan 2%	Tuýp	2
55	Thuốc mỡ Cidermex 15g	Tuýp	2
56	Thuốc mỡ Tetracielin	Tuýp	20
57	Ôxy già	Chai	10
58	Dentanalgin	Lọ	2
59	Dầu khuynh Diệp	Lọ	2
60	Dầu mù u	Lọ	3
61	Cloracin 4%	Lọ	5
62	Trivita	Viên	100
63	Magne - B6	Viên	100
64	Vitamin B2 2mg	Viên	200
65	B.Complex - C	Viên	100
66	Vitamin B1 250mg	Viên	1000
67	Biocalcium 650mg	Viên	100
68	Vitamin B12 1000	Ống	50
69	Vitamin B6 25mg	Ống	50
70	Rotunda 30mg	Viên	100
71	Tyropas	Viên	200
72	Nasolin	Lọ	3
73	Salonpas	Hộp	6
74	BSI 1%	Lọ	3
75	Oresol	Gói	10
76	Attane 2mg	Viên	50
77	Cồn 70^0	Chai	20
78	Ôxy già	Chai	20
79	Povidin	Chai	2

Phụ lục 3
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN ([1])	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tên cơ sở cai nghiện ([2])	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

([3]), ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (GIA HẠN) GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY ([4])

Kính gửi: - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ([5]).....

1. Tên cơ sở cai nghiện ([2]): .....
2. Tên giao dịch (nếu có): .....
3. Điện thoại ..... Fax..... E-mail.....
4. Quyết định thành lập Cơ sở cai nghiện số..... ngày..... tháng..... năm.... của ([6])

.....

5. Tài khoản tại Ngân hàng (nếu có): .....
- Tiền Việt Nam:
- Ngoại tệ:

6. Họ và tên người đứng đầu Cơ sở cai nghiện:.....

Đề nghị cấp (gia hạn) giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy với nội dung hoạt động là (7) .....
.....

Cơ sở cai nghiện cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Giám đốc hoặc Người đứng đầu Cơ sở cai nghiện
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

1. Tên cơ quan quyết định thành lập Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện
2. Tên đầy đủ của Cơ sở cai nghiện
3. Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính của cơ sở.
4. Khi xin cấp giấy phép thì chỉ ghi xin cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy.
5. Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh, thành phố.
6. Tên cơ quan ra quyết định thành lập Cơ sở cai nghiện.
7. Ghi phạm vi hoạt động theo quy định tại Nghị định số 147/2003/NĐ-CP, Nghị định số 94/2011/NĐ-CP hoặc Thông tư này.

Phụ lục 4

MẪU PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP (GIA HẠN) GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

BỘ LĐ-TBXH/SỞ LĐ-TBXH
Cục PCTNXH/Chi cục hoặc
Phòng PCTNXH ([1])

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP (GIA HẠN) GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

Cục phòng, chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội/Chi cục, Phòng phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp nhận hồ sơ, đề nghị cấp (gia hạn) giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của ([2]) ..... đề nghị cấp (gia hạn) giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy.

Địa điểm: .....

Điện thoại: .....

Đã nhận hồ sơ đề nghị cấp (gia hạn) giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy hợp lệ ngày.....tháng.....năm..... với nội dung hoạt động..... theo quy định tại điều.....của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP, Nghị định số 94/2011/NĐ-CP và quy định..... Thông tư số..... gồm:

- .....
- .....
- .....

Số phiếu tiếp nhận ([3]):.....

([4])....., ngày..... tháng..... năm.....
Người tiếp nhận hồ sơ (Ghi rõ chức danh)
(Ký tên)
Họ và tên của người ký

1. Phiếu dùng cho cơ quan Cục PCTNXH hoặc Chi cục, Phòng PCTNXH.
2. Tên đầy đủ của Cơ sở cai nghiện
3. Ghi số phiếu tiếp nhận/năm nhận hồ sơ/ký hiệu của cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp (gia hạn) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy.
4. Ghi địa danh cấp tỉnh, thành phố của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Phụ lục 5

MẪU GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

I. MẶT TRƯỚC CỦA GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số...../BLĐTBXH-GPHĐCNMT	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....*

GIẤY PHÉP

HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và Bộ Y tế hướng dẫn việc cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục phòng, chống tệ nạn xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cho phép ([1])....

Tên giao dịch: ....

Cơ quan chủ quản (nếu có):....

Địa chỉ trụ sở chính của cơ sở:....

Điện thoại: ..... Fax..... E-mail.....

Số tài khoản..... Tại.....

được phép (2).....

cho người nghiện ma túy.

Điều 2: ([1])....

Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước về cai nghiện, phục hồi.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày....tháng....năm....đến ngày.... tháng... năm...

BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

II. MẶT SAU CỦA GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

Gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy

1. Lần 1: Từ ngày....tháng....năm... đến ngày.....tháng.....năm.....	Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (Ký tên, đóng dấu)
2. Lần 2: Từ ngày....tháng....năm... đến ngày.....tháng.....năm.....	Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (Ký tên, đóng dấu)
3. Lần 3: Từ ngày....tháng....năm... đến ngày.....tháng.....năm.....	Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (Ký tên, đóng dấu)
4. Lần 4: Từ ngày....tháng....năm... đến ngày.....tháng.....năm.....	Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (Ký tên, đóng dấu)
5. Lần 5: Từ ngày....tháng....năm... đến ngày.....tháng.....năm.....	Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (Ký tên, đóng dấu)

1. Tên đầy đủ của Cơ sở cai nghiện
2. Ghi phạm vi hoạt động theo quy định tại Nghị định số 147/2003/NĐ-CP, Nghị định số 94/2011/NĐ-CP hoặc Thông tư này.

Phụ lục 6

MẪU ĐƠN TỰ NGUYỆN CAI NGHIỆN MA TÚY VÀ KHAI BÁO TÌNH TRẠNG NGHIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

([1])..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN TỰ NGUYỆN CAI NGHIỆN MA TÚY VÀ KHAI BÁO TÌNH TRẠNG NGHIỆN

Họ và tên người khai báo: .....

Nơi ở hiện nay: .....

Khai báo và xin cai nghiện ma túy cho ([2])..... tôi tên là.....

..... tuổi. Nam/Nữ. Làm nghề..... tại.....

hiện đang cư trú tại.....như sau:

1. Tình trạng nghiện:

Nguyên nhân nghiện ma túy:.....

Bắt đầu sử dụng ma túy từ tháng..... năm.....

Loại ma túy thường sử dụng: .....

Số lần sử dụng trong ngày:..... lần/ngày

Hình thức sử dụng (Hút, hít, tiêm chích):.....

2. Tình trạng cai nghiện: Số lần đã cai nghiện: ..... lần.

Các hình thức đã cai nghiện ([3]).....

3. Tình trạng vi phạm pháp luật (nếu có).

- Số lần giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng..... lần.

- Hiện tại có bị xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự không (?)..... Biện pháp xử lý hành chính.....

4. Tình trạng sức khỏe:

Đang mắc bệnh ([4]).....

5. Hoàn cảnh gia đình:

- Hoàn cảnh kinh tế gia đình:.....

- Gia đình có người thân quản lý, chăm sóc không?.....

6. Xin đăng ký cai nghiện cắt cơn tại: .....

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Người khai báo

(Ký và ghi rõ họ tên)

---

1. Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính của cơ sở.
2. Bản thân hoặc mối quan hệ với người nghiện ma túy (con, cháu.....)
3. Cai tại gia đình và cộng đồng Cơ sở chữa bệnh....
4. Tên các bệnh.

Phụ lục 7

MẪU BIÊN BẢN VỀ VIỆC VI PHẠM CAM KẾT CAI NGHIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

([1])..... ngày..... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN

Về việc vi phạm cam kết cai nghiện
tại.....

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại ([2]).....
.....
Chúng tôi gồm ([3]): .....
1. .....
2. .....
Với sự chứng kiến của anh (chị) ([4])
1. .....
2. .....
Tiến hành lập biên bản vi phạm cam kết xin cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện đối với anh (chị)..... đang cai nghiện theo Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy số.....
đã có các hành vi vi phạm ([5]): .....
.....
.....
Hình thức xử lý:
- Đưa vào phòng cách ly ☐ Thời gian: .....
- Chấm dứt hợp đồng dịch vụ cai nghiện và thông báo về địa phương ☐

Người vi phạm	**Người chứng kiến**	**Giám đốc hoặc người đứng đầu Cơ sở cai nghiện**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)

1. Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính của cơ sở.
2. Địa điểm xử lý vi phạm.
3. Đại diện Cơ sở cai nghiện.
4. Người cai nghiện ma túy khác.
5. Ghi cụ thể các vi phạm.

Phụ lục 8

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ CAI NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN ([1]) **Tên cơ sở cai nghiện ([2])**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

([3]).... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đã cai nghiện ma túy

Tên cơ sở cai nghiện ([2]).....
Chứng nhận anh (chị): .....
Cư trú tại: .....
Đã hoàn thành đợt cai nghiện tại: .....
theo nội dung: .....
từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... theo Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy số:...../HĐDV-CSCN ngày..... tháng..... năm.....

Vào sổ số:...../GCN-CSCN

Giám đốc hoặc
Người đứng đầu Cơ sở cai nghiện
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

---

1. Tên cơ quan quyết định thành lập Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện
2. Tên đầy đủ của Cơ sở cai nghiện
3. Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính của cơ sở.

Phụ lục 9

MẪU HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN ([1])
.....
Số:..... HĐDV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

([2])..... ngày..... tháng..... năm.....

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY

- Căn cứ Quyết định thành lập cơ sở cai nghiện.....
.....
- Căn cứ Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy.....
với nội dung hoạt động .....
.....
- Xét đơn tự nguyện cai nghiện ma túy và khai báo tình trạng nghiện ma túy của Ông (bà):..... ngày..... tháng..... năm.....,
Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....
Tại: .....
Chúng tôi gồm có:

Bên A: Tên Cơ sở.....
1. Ông (bà)..... - Giám đốc; ([3])
2. Ông (bà)..... - Phụ trách cai nghiện phục hồi;

Bên B: Người cai nghiện ma túy và thân nhân người nghiện

1. Người cai nghiện:
- Họ và tên: .....; Năm sinh:.....
- Địa chỉ: .....
.....
2. Gia đình hay người giám hộ
- Họ và tên: .....; Năm sinh:.....
- Địa chỉ: .....
.....
- Điện thoại: .....
- Quan hệ với người nghiện là: .....

Hai bên thống nhất ký hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy với các điều khoản sau:

Điều 1. Trách nhiệm của cơ sở cai nghiện ma túy

Tên Cơ sở cai nghiện ([1]).....

có trách nhiệm tổ chức cai nghiện ma túy cho Anh (Chị)..... với nội dung.....

Điều 2. Trách nhiệm của người cai nghiện, gia đình hay người giám hộ

1. Đối với người đến cai nghiện:

a) Chịu sự quản lý, giáo dục, giám sát của cán bộ cơ sở cai nghiện.

b) Tuân thủ quy chế, nội quy, quy trình cai nghiện, phục hồi; thực hiện chế độ lao động, học tập, điều trị, chữa bệnh theo các quy định của pháp luật liên quan trong quá trình cai nghiện ma túy.

c) Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành, nếu gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Đối với gia đình hay người giám hộ:

a) Chấp hành nội quy, quy định thăm người đang cai nghiện ma túy tại cơ sở; thực hiện cam kết đúng thời gian cai nghiện, không xin về trước thời hạn.

b) Có trách nhiệm về những hành vi vi phạm nội quy, vi phạm pháp luật và bồi thường về vật chất đối với những vi phạm mà người thân đang cai nghiện ma túy gây ra.

c) Thanh toán đầy đủ mọi chi phí, đúng hạn cho người thân đang cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ; chi phí đưa đi cấp cứu, chuyển viện (nếu có).

Điều 3. Thỏa thuận các khoản thu tiền dịch vụ như sau:

1. Tiền ăn:

- Ăn sáng:
- Ăn chính:

2. Tiền xét nghiệm:

- Xét nghiệm ma túy:
- Xét nghệm HIV/AIDS (nếu có):

3. Tiền thuốc:

- Thuốc cắt cơn:
- Thuốc thông thường:

4. Tiền văn hóa - thể dục, thể thao: .....

5. Tiền điện, nước, vệ sinh:.....

6. Tiền vật dụng cá nhân:.....

7. Tiền đóng góp cơ sở vật chất:.....

8. Chi phí phục vụ quản lý: .....

9. Tiền học nghề (nếu có):.....

Tổng cộng: .....

(Bằng chữ):.....

Cơ sở cai nghiện có trách nhiệm thu, chi đúng mục đích các khoản kinh phí theo đúng nội dung theo quy định của Giấy phép hoạt động cai nghiện và thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

Hợp đồng dịch vụ có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm..... và kết thúc vào ngày..... tháng..... năm.....

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu thấy cần thiết thay đổi; bổ sung nội dung, hai bên thỏa thuận để thực hiện.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định hiện hành.

Hợp đồng này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B ([3])	**ĐẠI DIỆN BÊN A ([4])**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)

1. Tên đầy đủ của Cơ sở cai nghiện
2. Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính của cơ sở.
3. Giám đốc hoặc người đứng đầu Cơ sở cai nghiện
4. Người cai nghiện hoặc gia đình hay người giám hộ

ĐĂNG KÝ ĐẾN THĂM THÂN NHÂN
TRONG QUÁ TRÌNH CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM
(Sau 10 ngày cắt cơn giải độc vào ngày thứ 7, Chủ nhật)

STT	Họ và tên	Quan hệ
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		

Phụ lục 10

MẪU SỔ THEO DÕI CAI NGHIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN ([1])

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI

CAI NGHIỆN MA TÚY

Họ và tên ([2]):.....Tuổi.....

Nơi ở hiện nay: .....

Cai nghiện tại..... theo Hợp đồng dịch vụ số.....

từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày.....tháng..... năm...

Họ và tên người theo dõi:.....

Chức danh:.....

([3])....., ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên đầy đủ của Cơ sở cai nghiện
2. Họ và tên người cai nghiện ma túy
3. Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính của cơ sở.

CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY
.....

I. BỆNH ÁN
ĐIỀU TRỊ CẮT CƠN NGHIỆN MA TÚY
(Dùng cho Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện)

A. HÀNH CHÍNH:

1. Họ và tên (chữ in hoa):..... Nam☐ Nữ ☐
2. Sinh ngày ☐☐ ☐☐ ☐☐☐☐ Tuổi ☐☐
3. Trình độ văn hóa: .....
4. Nghề nghiệp: ..... 5. Dân tộc: .....
6. Nơi làm việc: .....
7. Mức thu dịch vụ:
a) 100%☐ b) Giảm☐ c) Miễn☐
8. Cha và mẹ: .....
9. Vợ (chồng): .....
10. Họ, tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin: .....
..... điện thoại.....
11. Đến cai nghiện hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

B. BỆNH ÁN:

I. TÌNH TRẠNG NGHIỆN MA TÚY:

1. Quá trình sử dụng ma túy:

- Sử dụng ma túy lần đầu tiên: ngày..... tháng..... năm.....
- Lý do sử dụng ma túy:.....
- Trong những ngày gần đây:

+ Có sử dụng hàng ngày không a) có ☐ b) không ☐
+ Ngày sử dụng mấy lần: ..... lần/ngày
+ Mỗi lần sử dụng bao nhiêu (ghi số: ml, bi, viên, tép, chỉ.....).....
+ Nếu không sử dụng có chịu được không:
a) Chịu được ☐ b) Không chịu được ☐

- Đã dùng những loại ma túy nào:.....
- Đã sử dụng bằng những cách nào?

a) Hút ☐ b) Hít ☐ c) Nuốt☐ d) Tiêm, chích ☐ e) Cách khác ☐

- Sử dụng ma túy lần gần đây nhất vào lúc.....giờ.... phút, ngày.....tháng..... năm.....

2. Số lần cai nghiện:

- Lần này là lần cai nghiện thứ mấy:.....

- Cai nghiện lần thứ nhất tại:....., Thời gian cai nghiện được bao lâu.....
bằng phương pháp nào (ATK, cai vo,...).....
Lý do tái nghiện: .....
- Cai nghiện lần thứ hai tại: .....Thời gian cai nghiện được bao lâu.....
bằng phương pháp nào (ATK, cai vo,...).....
Lý do tái nghiện: .....

3. Các bệnh kèm theo (tên bệnh, mức độ):

.....

.....

4. Đặc điểm liên quan:

- Có thường xuyên sử dụng: a) Rượu ☐ b) Thuốc lá ☐
- Có cơ địa dị ứng: ☐

5. Trong gia đình còn ai nghiện ma túy (ghi rõ: cha, mẹ, anh, chị, em....).....

.....

II. KHÁM BỆNH:

1. Toàn thân (da, niêm mạc, hệ thống hạch, tuyến giáp)

.....

.....

Mạch:..... lần/phút Huyết áp: ...../..... mHg
Nhiệt độ: ..... ^{0}C Cân nặng: ..... Kg
Nhịp thở:..... lần/phút

2. Các cơ quan:

- Hô hấp: .....

.....

- Tuần hoàn.....

.....

- Tiêu hóa:.....

.....

- Thận - tiết niệu, sinh dục: .....

.....

- Mắt: .....

.....

3. Tâm thần:

- Biểu hiện chung (tỉnh táo, lẫn lộn, bực dọc, trầm cảm.....):.....

.....

.....

- Biểu hiện khác: .....

.....

4. Xét nghiệm ma túy trong nước tiểu (TEST nhanh)

.....

5. Tóm tắt bệnh án:

.....

.....

III. CHUẨN ĐOÁN KHI VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN:

- Nghiện ma túy loại: .....
- Bệnh kèm theo: .....

.....

.....

IV. HƯỚNG ĐIỀU TRỊ:

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm.....

Y, bác sĩ làm bệnh án

(Ký, ghi rõ họ tên)

Họ và tên người cai nghiện:.....
.....

II. PHẦN ĐIỀU TRỊ (Tiếp)

Giờ, ngày, tháng	Diễn biến bệnh	Điều trị

Số trang theo diễn biến bệnh và thời gian cai nghiện cho người nghiện ma túy.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SAU ĐIỀU TRỊ CẮT CƠN, GIẢI ĐỘC VÀ PHỤC HỒI SỨC KHỎE

1. Sự giúp đỡ của gia đình (nếu có):

.....

.....

2. Các hoạt động của người nghiện trong tháng (lao động sản xuất, tham gia các tổ chức xã hội, văn hóa, thể thao...)

.....

.....

3. Tình trạng sức khỏe: (khỏe mạnh hay mắc các bệnh).....

.....

4. Tình trạng tâm lý (thỏa mãn hay lo lắng, bồn chồn lo âu vì vấn đề gì).....

.....

5. Những biểu hiện nghi vấn tái sử dụng ma túy (đi một mình, gặp bạn nghiện).

.....

6. Đề xuất của người nghiện: .....

.....

7. Kết luận: (những tiến bộ, khuyết điểm thiếu sót của đối tượng).....

.....

.....

8. Những công việc cần làm để giúp đỡ đối tượng tháng sau:

.....

.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

Người theo dõi

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mỗi tháng 1 trang, số trang tùy theo thời gian cai nghiện cho đối tượng.

Phụ lục 11

MẪU SỔ THEO DÕI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TẠI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN TỰ NGUYỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TẠI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN TỰ NGUYỆN

NĂM.....

ĐƠN VỊ LẬP SỔ: .....

.....

NGƯỜI LẬP SỔ

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC HOẶC NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ SỞ CAI NGHIỆN

(Ký tên, đóng dấu)

NĂM.....

STT	Họ và tên	Năm sinh		Địa chỉ		Dân tộc	Trình độ văn hóa (lớp)	Nghề nghiệp hiện nay	Tình trạng việc làm	Số tiền án	Số tiền sự	Năm bắt đầu nghiện	Số lần đã cai nghiện	Loại đối tượng	
		Nam	Nữ	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi cư trú trước khi vào Cơ sở cai nghiện									Được miễn phí cai nghiện	Được giảm phí cai nghiện
1	2	3	4	**5**	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

Cai nghiện, chữa trị tại Cơ sở cai nghiện				**Tình hình sức khỏe khi vào Cơ sở**		**Thời gian được học văn hóa (tháng)**			**Học nghề**		**Ghi chú**
Ngày vào Cơ sở cai nghiện	Theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy	Thời gian thực tế đã chữa trị tại Cơ sở	Ngày ra khỏi cơ sở (Ngày, số chứng nhận)	Mắc các bệnh khác	Chuyển viện (ngày, tên bệnh viện)	Học xóa mù chữ	Học phổ cập tiểu học	Học trên tiểu học	Tên nghề đã được học	Thời gian học (tháng)	
17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI SỔ THEO DÕI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TẠI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN TỰ NGUYỆN

I. Phạm vi và đối tượng ghi sổ:

Sổ này dùng cho các Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, dùng ghi chép hàng ngày tình hình đối tượng nghiện được đưa vào cai nghiện, phục hồi tại cơ sở.

II. Đối tượng ghi sổ: là người nghiện ma túy vào cai nghiện tại Cơ sở.

III. Thời gian mở sổ: theo quý

Ngày mở sổ: ngày 16 tháng cuối quý trước;

Ngày khóa sổ: ngày 15 tháng cuối quý báo cáo.

Ví dụ: Sổ quý I năm 2012, ngày mở sổ: 16/12/2011; ngày khóa sổ: ngày 15/3/2012.

IV. Cách ghi chép:

Cột 1: Ghi thứ tự của đối tượng vào cai nghiện tại Cơ sở

Cột 2: Ghi họ tên của đối tượng.

Cột 3, 4: Ghi năm sinh của đối tượng, nam ghi vào cột nam, nữ ghi cột nữ.

Cột 5: Ghi hộ khẩu thường trú của đối tượng.

Cột 6: Ghi địa chỉ cư trú của đối tượng khi đối tượng vào cai nghiện tại Cơ sở.

Cột 7: Ghi rõ đối tượng thuộc dân tộc nào, nếu là người nước ngoài thì ghi quốc tịch của đối tượng.

Cột 8: Ghi lớp học cao nhất đối tượng đã đạt được.

Ví dụ: Lớp 7/10 (hệ 10 năm), 9/12 (hệ 12 năm) hoặc cao đẳng, đại học… Nếu không biết chữ ghi “không biết chữ”.

Cột 9: Ghi nghề nghiệp của đối tượng, nếu không có nghề nghiệp thì ghi số "0".

Cột 10: Nếu đối tượng hiện tại không có việc làm thì ghi (X).

Cột 11, 12: Ghi số tiền án, tiền sự (nếu có) vào cột tương ứng.

Cột 13: Ghi năm bắt đầu nghiện ma túy (thông qua lời khai của đối tượng hoặc qua điều tra khảo sát).

Cột 14: Ghi số lần đối tượng đã qua cai nghiện trước khi vào Cơ sở cai nghiện lần này.

Cột 15, 16: Đối tượng thuộc diện miễn hay giảm phí cai nghiện thì đánh dấu (x) vào ô thích hợp.

Cột 17: Ghi ngày, tháng, năm đối tượng vào Cơ sở cai nghiện.

Cột 18: Ghi số, ngày, tháng, năm của Hợp đồng dịch vụ.

Cột 19: Ghi thời gian thực tế đối tượng cai nghiện tại Cơ sở.

Cột 20: Ghi ngày, tháng, năm đối tượng ra khỏi Cơ sở cai nghiện có giấy chứng nhận.

Cột 21: Ghi các bệnh kèm theo mà đối tượng mắc phải.

Cột 22: Nếu đối tượng phải chuyển viện thì ghi ngày chuyển và tên viện chuyển đến.

Cột 23, 24, 25: Ghi thời gian đối tượng được học văn hóa vào cột có cấp học tương ứng (nếu có).

Cột 26,27: Ghi tên nghề và thời gian đối tượng được học ở Cơ sở (nếu có).

Cột 28: Ghi chú những trường hợp không thể ghi rõ trong cột. Ví dụ: thời gian cai nghiện ma túy của đối tượng không đúng với thời gian Hợp đồng dịch vụ do trốn, chuyển viện hoặc được bảo lãnh,…

Phụ lục 12

MẪU BÁO CÁO VỀ CAI NGHIỆN, PHỤC HỒI CHO NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

Tên cơ sở cai nghiện [1]: .....
.....

BÁO CÁO
VỀ CAI NGHIỆN, PHỤC HỒI CHO NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY
Kỳ báo cáo: Tháng..... năm .....
(Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Ngày báo cáo: Ngày ...../...../.....
Đơn vị nhận báo cáo: .....

I. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số lượt người	Thời gian cai nghiện				Giới tính		Độ tuổi		Ghi chú
			< 1 tháng	1-3 tháng	3-6 tháng	>6 tháng	Nam	Nữ	Dưới 18T	Trên 18T	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Số đối tượng quản lý đầu kỳ										
2	Số đối tượng cuối kỳ										
3	Số đối tượng tăng, giảm trong kỳ										
3.1	Số vào										
3.2	Số ra										
4	Tình hình quản lý đối tượng trong kỳ										
4.1	- Số vụ đối tượng gây rối, mất trật tự...										
4.2	- Số đối tượng bỏ trốn										
5	Công tác cai nghiện, phục hồi trong kỳ										
5.1	- Số đối tượng điều trị cắt cơn										
5.2	- Số đối tượng được điều trị các bệnh khác										
5.3	- Số đối tượng được giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách										
5.4	- Số đối tượng tham gia lao động trị liệu										
5	Số đối tượng được cấp giấy chứng nhận cai nghiện										

Ghi chú: Các cột từ 1-9 ghi theo tổng số lượt người được cai nghiện

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG:

Ngày.....tháng .....năm .....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc hoặc người đứng đầu cơ sở cai nghiện
(Ký tên, đóng dấu)

1. Dùng cho các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

Phụ lục 13

MẪU BÁO CÁO VỀ CAI NGHIỆN, PHỤC HỒI CHO NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 43/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 031tháng 12 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế)

Ủy ban nhân dân: ... [2]: .....
.....

BÁO CÁO
VỀ CAI NGHIỆN, PHỤC HỒI CHO NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY
Kỳ báo cáo: Quý…...năm .....
(Từ ngày ...../...../.....đến ngày ...../...../.....

Ngày báo cáo: Ngày ...../...../.....
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Số TT	Tên cơ sở cai nghiện	Tổng số đang quản lý	Tình hình tăng, giảm đối tượng trong kỳ				Tình hình quản lý ĐT		Độ tuổi		Độ tuổi		Thời gian cai nghiện				Công tác cai nghiện phục hồi				Số được cấp giấy chứng nhận	Ghi chú
			Số đầu kỳ	Số vào	Số ra	Số cuối kỳ	Số vụ gây rối	Số bỏ trốn	Nam	Nữ	< 18 tuổi	> 18 tuổi	<1 tháng	1-3 tháng	3-6 tháng	> 6 tháng	Số điều trị cắt cơn	Số được điều trị các bệnh khác	Số được giáo dục	Số tham gia lao động		
1	Cơ sở cai nghiện…..																					
2	Cơ sở cai nghiện……																					

Ghi chú: Các cột từ 1-20 ghi tổng số lượt người cai nghiện

Ngày.....tháng .....năm .....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc hoặc người đứng đầu cơ sở cai nghiện
(Ký tên, đóng dấu)

2. Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Cơ quan chủ quản của các Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.